

한국어능력시험 응시원서 작성방법

Phương pháp điền Đơn đăng ký tham dự kiểm tra tiếng Hàn

□ 작성시 유의사항 **Những điều cần chú ý khi điền**

- ①~⑤번까지의 항목은 첫번째 사각박스(□)로부터 순차적으로 하나씩 기재하시고, 기재사항이 사각박스를 벗어나서는 안됩니다. Các mục từ ①~⑤ phải điền từng chữ hoặc số theo thứ tự từ ô thứ nhất, không được điền ra ngoài ô trống
- 기재사항은 영문대문자 및 숫자로 기재하며, 정자로 하여야 합니다. Hãy điền thông tin bằng CHỮ IN HOA không dấu và chữ số vào những ô cần điền
- 원서에 기재한 영문성명, 생년월일, 성별, 사진은 추후 변경할 수 없습니다. Không thể thay đổi sau khi đã khai **họ tên bằng chữ in hoa không dấu, ngày tháng năm sinh, giới tính, ảnh** trong đơn đăng ký.
- 한국어능력시험 원서의 영문성명, 생년월일, 성별이 여권과 다를 경우, 시험에 합격하더라도 명부등록 및 취업이 불가하니, 정확하게 기재하시기 바랍니다. Thí sinh cần phải khai chính xác **họ tên bằng chữ in hoa không dấu, ngày tháng năm sinh, giới tính**. Trong trường hợp những thông tin kê khai nói trên không khớp với thông tin trong hộ chiếu thì dù thí sinh đó có thi đỗ kỳ kiểm tra năng lực tiếng Hàn thì cũng không được đứng tên trong danh sách chờ xin việc và không thể xin việc ở Hàn Quốc. Chính vì vậy, thí sinh cần phải đăng ký thông tin thật chính xác.
- 응시원서의 ⑧⑫⑬⑭⑮번을 제외한 모든 항목을 빠짐없이 기재하시기 바랍니다. Phải điền đầy đủ các mục thông tin vào các mục trên Đơn đăng ký tham dự kiểm tra trừ mục ⑧⑫⑬⑭⑮

□ 작성방법 **Hướng dẫn điền Đơn đăng ký**

- ① : 여권과 동일한 성명을 영문으로 기재하시오. Điền Họ và tên bằng CHỮ IN HOA không dấu đúng như trên Giấy CMND (họ, tên đệm và tên phải được cách nhau bằng một ô trống).
- ② : 생년월일을 예시와 같이 기재하시오. (예시 : 03.06.1980) Điền ngày sinh đúng như ví dụ sau (Ví dụ: 03.06.1980)
- ③ : 성별을 해당란에 마킹(●) 하시오. Đánh dấu tròn vào ô trống để lựa chọn giới tính
- ④ : 구 여권번호와 신 여권번호를 기입하십시오. Điền số hộ chiếu cũ và hộ chiếu mới
- ⑤ : 전화번호를 예시와 같이 기재하시오. (예시 : 04.37344545) Ghi số điện thoại cố định/di động (ví dụ: 04.37344545)
- ⑥ : 구직신청분야에 마킹(●) 하시오. (각각의 합격기준 등은 공고문을 참고하시오) Hãy đánh dấu tròn vào ngành nghề muốn làm việc tại Hàn Quốc (tham khảo bản thông báo số lượng dự kiến đạt yêu cầu và tiêu chuẩn đạt yêu cầu trước khi đăng ký).
- ⑦ : 제조업을 선택한 희망자는 해당하는 세부직무분야에 반드시 마킹(●)하시오. **Người lao động chọn sản xuất chế tạo nhất định phải đánh dấu (●) vào lĩnh vực ngành nghề chi tiết.**
※ ⑧⑫⑬⑭⑮ : 응시번호 및 시험일시 및 시험장 란은 기재하지 마시오. Không được điền vào mục ⑧⑫⑬⑭⑮
- ⑨ : 대한민국에서 E-9 및 E-10 체류자격으로 체류했던 총 기간을 합산하여 기재하시오. Hãy tính và ghi tổng thời gian cư trú theo visa E-9 và E-10 chế độ cấp phép tuyển dụng ở Hàn Quốc.
- ⑩ : 최근 6개월 이내에 탈모·정면에서 촬영한 3.5×4.5cm 규격의 사진을 부착하시오. Dán ảnh chụp trong vòng 6 tháng, khổ 3.5 x4.5 cm (ảnh phải rõ mặt, đầu không nghiêng, không đội mũ, không sử dụng chương trình photoshop để chỉnh sửa ảnh).
- ⑪ : 여권 또는 신분증 사본을 부착하십시오. **Dán bản photo hộ chiếu**
- ⑫ : 대한민국에서 재정착 지원 교육·훈련을 수료한 자는 해당란에 마킹(●)하고 수료증을 제출하시오. Người hoàn thành khóa đào tạo hỗ trợ tái ổn định cuộc sống sau khi hồi hương (tại Hàn Quốc) nộp giấy chứng nhận hoàn thành khóa học khi đánh dấu vào cột tương ứng.

신청일자를 기록하고 응시자 본인의 서명을 하신 후 해당창구에 접수하시오.

Sau khi điền ngày, tháng, năm và ký tên, người đăng ký nộp lại Đơn đăng ký tham dự kiểm tra này.

한국어능력시험 접수자 유의사항

Chú ý đối với người đăng ký tham dự kiểm tra

- 1. 한국어능력시험에 응시하고자 하는 자는 이 원서를 사용해야 합니다. Người đăng ký tham dự kiểm tra tiếng Hàn phải sử dụng Đơn này.
- 2. 응시자가 잘못 기재한 내용으로 인하여 야기된 문제에 대해서는 책임지지 않습니다. Cơ quan phát triển nguồn nhân lực Hàn Quốc không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào mà người dự kiểm tra viết sai hoặc thiếu trong Đơn đăng ký tham dự kiểm tra.
- 3. 사진을 부착하지 않거나, 한국어능력시험응시원서를 사용하지 않거나, 수수료를 납부하지 않으면 원서접수를 할 수 없으며, 시험에 응시할 수 없습니다. Trường hợp không dán ảnh, sử dụng không đúng mẫu Đơn hoặc không nộp lệ phí kiểm tra sẽ không được chấp thuận đăng ký tham dự kiểm tra.

한국어능력시험 응시자 유의사항 **Những điều cần chú ý đối với thí sinh tham dự kiểm tra tiếng Hàn.**

- 1. 응시자는 정해진 일시 및 시험장소에 입실하여야 합니다. Thí sinh tham dự kiểm tra phải vào phòng thi đúng thời gian và địa điểm quy định
- 2. 응시자는 응시표, 여권(신분증), 싸인펜, 볼펜 등을 지참하여 시험실에 입실하여야합니다. (여권(신분증)미소지자 응시불가) Khi vào phòng thi, thí sinh phải mang theo Thẻ dự kiểm tra, Giấy chứng minh nhân dân, bút bi, bút dạ màu đen (những thí sinh không mang theo Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu sẽ không được dự kiểm tra).
- 3. 응시자는 휴대전화, 카세트플레이어, PDA, 전자사전 등을 가지고 입실할 수 없습니다. (지참 또는 사용시 부정행위자료 간주) Những thí sinh mang điện thoại di động, đài cát-xét, PDA, kim từ điển sẽ không được vào phòng thi. (Khi mang hay sử dụng, đánh giá như người gian lận trong thi cử.)
- 4. 부정행위자로 적발된 경우는 당해시험을 무효로 하고, 적발된 날로부터 3년간 한국어능력시험에 응시할 수 없습니다. Trường hợp phát hiện có hành vi gian lận trong quá trình làm bài sẽ bị đình chỉ ngay và sẽ không được tham dự kiểm tra tiếng Hàn trong 3 năm tính từ ngày bị phát hiện có hành vi gian lận.
- 5. 원서의 영문성명, 생년월일, 성별은 추후 변경할 수 없으며, 여권과 일치하지 않을 경우 시험에 합격하더라도 명부등록 및 한국에 취업할 수 없습니다. 기재사항 착오로 인한 불이익은 전적으로 응시자의 책임임을 알립니다. Không thể sửa chữa thông tin sau khi đã khai **họ tên bằng chữ in hoa không dấu, ngày tháng năm sinh, giới tính**. Trong trường hợp những thông tin này không khớp với thông tin trong hộ chiếu thì dù thí sinh đó có thi đỗ kỳ kiểm tra năng lực tiếng Hàn thì cũng **không được đứng tên trong danh sách chờ xin việc và không thể xin việc ở Hàn Quốc**. Thí sinh phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của thông tin kê khai.

재입국 희망자 대상 특별 한국어 능력시험 응시원서

Kiểm tra năng lực tiếng Hàn (Special EPS-TOPIK) dành cho người lao động về nước đúng thời hạn mong muốn tái nhập cảnh Hàn Quốc làm việc

※ 모든 항목은 영문대문자(숫자)로 작성하시고, 굵은 선안은 기재하지 마시오.

Tất cả các hạng mục điền thông tin bằng CHỮ IN HOA không dấu, không viết lên các ô kẻ đậm số

① 성명 Họ và tên																														
② 생년월일 Ngày sinh			일 ngày			월 tháng				년 Năm										③ 성별 Giới tính	남성 Nam		여성 Nữ							
④ 여권번호 Số hộ chiếu	구 여권(OLD) Số hộ chiếu cũ																													
	신 여권(NEW) Số hộ chiếu mới																													
⑤ 전화번호 Số điện thoại																														
⑥ 구직신청분야 Danh mục ngành dự tuyển	제조업 Sản xuất chế tạo						건설업 Xây dựng						농·축산업 Nông nghiệp và chăn nuôi						어업 Ngư nghiệp						서비스업 Ngành dịch vụ					
⑦ 세부직무분야 Lĩnh vực ngành nghề chi tiết	펄프, 종이, 목재 bột giấy, giấy, gỗ						고무, 플라스틱 cao su, nhựa						기계, 금형 máy móc, khuôn						화학 hóa học						⑩ 여권사진 (3.5×4.5cm) Ảnh					
	전자, 전기 điện tử, điện						음식료품 sản phẩm thực phẩm						섬유, 봉제 vải, may mặc						금속 kim loại											
⑧ 응시번호 Số báo danh (Người lao động không phải điền)																														
⑨ 대한민국 체류기간(E-9, E-10 비자) Thời hạn lưu trú Hàn Quốc(visa E-9, E-10)	5년 이상(접수불가) hơn 5 năm(không được tiếp nhận hồ sơ)						5년 미만(접수가능) dưới 5 năm(có khả năng tiếp nhận hồ sơ)																							

⑩ 재정착 지원 프로그램 수료자(응시수수료 면제) Hoàn thành chương trình hỗ trợ tái ổn định tại quê hương(miễn phí đăng ký)	
한국어교육과정 수료자(16년 수료자는 해당없음) Hoàn thành khóa đào tạo tiếng Hàn(những người hoàn thành năm 2016 không được áp dụng)	
한국어교육과정 수료후 TOPIK 3급 이상 취득자 Đạt được TOPIK cấp 3 sau khi hoàn thành khóa học tiếng Hàn	
직업훈련과정 수료자 Hoàn thành khóa đào tạo nghề	

⑪ 여권 (신분증) 사본 Bản phô tô hộ chiếu 여권 (신분증) 사본 Bản phô tô hộ chiếu	특별한국어능력시험(SPECIAL EPS-TOPIK)에 응시함에 있어서 위 기재 내용이 사실임을 인정하며 한국산업인력공단 시험 규정을 준수할 것을 서약합니다. Tôi xin cam đoan những thông tin trên là hoàn toàn đúng sự thật và cam kết sẽ thực hiện đầy đủ những quy định của cơ quan tổ chức kiểm tra (Cơ quan phát triển nguồn nhân lực Hàn Quốc) 일 Ngày 월 tháng 년 năm 서명 : Ký tên
---	---

한국산업인력공단 이사장 귀하 President of HRD Korea

접수담당자는 응시자의 개인정보와 증빙서류를 대조한 후 이상이 없는 경우에 한하여 하단의 정보를 기재하고 응시표를 제공하여 주십시오. Cán bộ tiếp nhận đơn đòi chiếu thông tin cá nhân với giấy tờ tùy thân của thí sinh, nếu không có gì bất thường thì điền thông tin vào dòng dưới đây rồi phát thẻ dự thi cho thí sinh.							
⑫ 한국출국일 Ngày xuất cảnh Hàn Quốc			⑬ 체류기간만료일 Ngày hết hạn cư trú			⑭ 여권 변경자 Có đổi hộ chiếu hay không?	Y N
⑮ 외국인등록번호 Số đăng ký người nước ngoài							

고용허가제 특별 한국어능력시험(Special EPS-TOPIK) 응시표		Thẻ dự thi Kỳ kiểm tra năng lực tiếng Hàn đặc biệt theo chương trình EPS (Special EPS-TOPIK)	
① 성명 Họ và tên			
④ 여권번호 Số hộ chiếu mới			
⑧ 응시번호 Số báo danh			
⑨ 시험일시 및 시험장 Thời gian và địa điểm kiểm tra	시험일과 시험시간은 공고문에 공고한 날짜에 OWC홈페이지를 참고하십시오 Thí sinh kiểm tra ngày thi và thời gian từng ca thi trên cổng thông tin Trung tâm lao động ngoài nước(www.ttdnnvietnam.gov.vn) vào ngày đã ấn định trong Thông báo tổ chức kiểm tra.		
※ 한국어 능력시험에 합격하는 것이 취업을 보장하는 것은 아닙니다. Việc dự yêu cầu qua kỳ kiểm tra tiếng Hàn không đảm bảo rằng thí sinh chắc chắn sẽ được tuyển dụng. ※ 한국어능력시험 원서에 기재한 영로명, 생년월일, 성별이 여권과 다르고, 고용허가제를 통한 대한민국 체류기간을 잘못 기재할 경우 명부등록 및 취업이 불가하며 이는 전적으로 응시자의 책임임을 알드립니다. Nếu ghi sai họ tên tiếng Anh, ngày tháng năm sinh, giới tính trong đơn đăng ký dự thi tiếng Hàn so với hộ chiếu, hoặc ghi sai thời gian cư trú ở Hàn Quốc thông qua chế độ cấp phép tuyển dụng(EPS), lao động sẽ không được ký được vào danh sách gửi sang Hàn và không đi làm việc ở Hàn Quốc được, lỗi này hoàn toàn thuộc về trách nhiệm của người lao động. ※ 자진귀국자가 아닌 것으로 확인될 경우 시험에 합격하더라도 무효처리하며 이는 전적으로 응시자 책임임. Trường hợp không phải là lao động tự giác hồi hương dùng hạn thi đủ thí sinh đó đó kỳ kiểm tra tiếng Hàn thì kết quả cũng sẽ bị hủy và thí sinh phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc này			